

# **TRƯỚC THÊM ASEM V - NHÌN LẠI THỰC TRẠNG VÀ TRIỂN VỌNG QUAN HỆ HỢP TÁC EU - ASEAN**

**TS. NGÔ MINH OANH**

*Khoa Lịch sử*

*Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh*

Tháng 3 năm 1996, một sự kiện có ý nghĩa to lớn đối với nhiều quốc gia ở hai châu lục Á - Âu đã diễn ra. Hội nghị các Nguyên thủ quốc gia về hợp tác Á - Âu lần thứ nhất được tổ chức tại Bangkok (Thái Lan) với sự có mặt của những người đứng đầu 15 nước EU, 7 nước ASEAN và ba nước Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc. Như vậy là sáng kiến của Gok Chok Tong, Thủ tướng Singapore, đã được thực hiện với sự hưởng ứng của đại đa số các nước.

Trong bối cảnh quốc tế sau chiến tranh lạnh và xu thế toàn cầu hoá đang diễn ra hết sức quyết liệt, sự ra đời của ASEM đã có tác động to lớn đến quá trình hợp tác Á - Âu nói riêng và hợp tác quốc tế nói chung. Tuy ra đời muộn hơn các tổ chức kinh tế khu vực và thế giới như Tổ chức Thương mại thế giới (GATT - 1947, WTO - 1994), Diễn đàn Hợp tác Châu Á - Thái Bình Dương (APEC - 1989), nhưng ASEM ngay từ khi mới ra đời đã có một sức nặng đáng kể về tiềm lực kinh tế và khả năng phát triển. ASEM bao gồm các khối nước có dân

cư chiếm khoảng 40% dân số thế giới, 57% thương mại quốc tế, gần 50% dòng FDI và chiếm khoảng gần 50% GDP của thế giới<sup>1</sup>. Sự ra đời của ASEM sẽ góp phần giải quyết những vấn đề thực tiễn nhằm mục đích thúc đẩy trao đổi thương mại và đầu tư giữa hai khu vực Á - Âu, góp phần tăng trưởng kinh tế, ổn định chính trị và an ninh khu vực cũng như thế giới. Giữa hai khu vực Á - Âu vốn lâu nay chỉ có những mối quan hệ song phương mà chưa có hợp tác dài hơi giữa các khối nước với nhau. ASEM sẽ tạo một động lực mới cho sự phát triển không chỉ cho chính bản thân mỗi khu vực mà còn hỗ trợ lẫn nhau, tạo nên một sức mạnh tổng hợp của các khu vực: EU, ASEAN và các nước Đông Bắc Á, tạo nên một đối trọng trong quan hệ kinh tế với các khu vực khác.

Trải qua bốn hội nghị thượng đỉnh từ ASEM I đến ASEM IV đã chứng tỏ tác dụng và ý nghĩa của tổ chức này. Nếu như

---

<sup>1</sup> Dẫn theo Đỗ Hiền: Việt Nam trong ASEM, T/c Nghiên cứu Châu Âu số 2 (56) - 2004, tr.75.

ở ASEM I (tháng 3/1996), Hội nghị thành lập với bước đầu thống nhất những nguyên tắc hoạt động cơ bản dựa trên tính đồng thuận, với chức năng tổng thể bao gồm đối thoại chính trị, hợp tác kinh tế - tài chính và văn hoá xã hội, thì đến ASEM II đã đi vào những vấn đề cụ thể như tìm cách tháo gỡ những vấn đề nảy sinh từ cuộc khủng hoảng kinh tế châu Á. Đến các hội nghị ASEM II và ASEM III đã đề ra những hướng hoạt động chính của tiến trình đối thoại và hợp tác Á - Âu với phương châm: "Đoàn kết thống nhất trong đa dạng". Các hội nghị thượng đỉnh từ ASEM I đến ASEM IV đã đưa ra những định hướng lớn, những kiến trúc tổng thể cho đối thoại và hợp tác Á - Âu. Dưới ánh sáng của những định hướng lớn này, một quá trình đối thoại và hợp tác tích cực đã diễn ra, trong đó đối thoại và hợp tác giữa EU - ASEAN - trực chủ đạo của ASEM, đã thu được nhiều kết quả đáng ghi nhận.

Quan hệ hợp tác giữa EU - ASEAN đã có bề dày lịch sử. Ngay từ năm 1980, Hiệp định hợp tác EC - ASEAN đã được ký kết. Hiệp định đã tạo cơ sở pháp lý cho việc tăng cường đối thoại, hợp tác giữa hai khu vực. Với mục đích phát triển hợp tác khu vực, phát triển các quan hệ hợp tác kinh tế hai bên cùng có lợi, góp phần mở rộng mậu dịch quốc tế, EC cam kết hợp tác với ASEAN không chỉ trên lĩnh vực thương mại

mà còn tiến hành đầu tư hợp tác các dự án sản xuất, phát triển trên rất nhiều lĩnh vực.

Hiệp định hợp tác EC - ASEAN, cùng với một số văn kiện khác đã tạo cơ sở pháp lý cho quan hệ hợp tác giữa Cộng đồng Châu Âu với ASEAN trong mấy chục năm qua. Sau Hiệp định hợp tác năm 1986, Liên minh Châu Âu còn dành quy chế tối huệ quốc cho các nước ASEAN, vì thế kim ngạch buôn bán hai chiều được tăng lên liên tục. Năm 2002 buôn bán hai chiều giữa hai khối nước chiếm 5,1% trong tổng thương mại trên toàn thế giới. EU là đối tác thứ 3 của ASEAN trong thương mại, chiếm 14% tổng thương mại của ASEAN.

Trong lĩnh vực hợp tác đầu tư, tốc độ đã được gia tăng một cách nhanh chóng. Lãnh đạo của các nước trong hai khối đã nhất trí đẩy mạnh đối thoại chính trị, tăng cường hợp tác kinh tế, thương mại và các lĩnh vực khác. Các chương trình xúc tiến đầu tư và đẩy mạnh thương mại đã tạo đà phát triển hợp tác trong khuôn khổ những thuận lợi do kênh đối thoại của ASEM mang lại.

EU luôn chú trọng nâng cao vai trò tự lực cánh sinh của các nước trong khối ASEAN trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội, văn hoá. Vì vậy trong lĩnh vực hợp tác phát triển, EU luôn trợ giúp tài chính, kỹ thuật cho các dự án của ASEAN, ưu tiên phát triển nguồn nhân lực khoa học và công

nghệ. Viện trợ cho ASEAN của EU chiếm một tỷ trọng lớn so với viện trợ toàn cầu của EU. EU cũng đã giúp đỡ ASEAN thông qua các dự án nghiên cứu, đào tạo nghề, thường xuyên hợp tác đối thoại trên những vấn đề thuộc các lĩnh vực như nông nghiệp, công nghiệp, viễn thông đến những vấn đề về lĩnh vực thị trường, giá cả, nguồn vốn, xoá đói giảm nghèo, y tế, quyền sở hữu trí tuệ.

Tuy vậy chúng ta cũng thẳng thắn nhìn thẳng vào thực trạng của quan hệ hợp tác EU - ASEAN trong thời gian qua là chưa tương xứng với tiềm năng của hai khối, và còn mất cân đối lớn. Hàng hóa xuất khẩu của ASEAN vào thị trường EU chiếm 16% thị phần, trong lúc xuất khẩu của EU vào thị trường ASEAN chỉ chiếm 4%. Đầu tư của EU vào châu Á nói chung và ASEAN ngày càng giảm sút. Nguyên nhân của tình hình trên có thể do ASEAN là một thị trường có nhiều tiềm năng, nhưng vẫn ẩn chứa những rào cản trong việc thu hút tối đa nguồn đầu tư của EU.

Các nước ASEAN đang đứng trước những khó khăn nếu không giải quyết tốt sẽ ảnh hưởng đến vị thế chính trị, kinh tế của mình trên trường quốc tế. Cuộc khủng hoảng kinh tế trong các năm 1997 - 1998 không chỉ gây khó khăn cho các nước mà còn làm tăng thêm sự chênh lệch về phát triển trong nội bộ của Khối. Sự kiện khủng

bổ 11/9 và sau đó là thái độ khác nhau của các nước trước phản ứng của Mỹ cũng đã góp thêm vào những rạn nứt mới. Các sự kiện khủng bố ở Bali (Indônêxia), tình hình bất ổn ở Nam Thái Lan, ở Philippines... cùng với những cản ngại về hệ thống luật pháp, thủ tục rườm rà, phân biệt đối xử giữa các nhà đầu tư đã làm cho môi trường đầu tư tại các nước ASEAN kém hấp dẫn so với các nước khác trong khu vực. Hơn nữa đầu tư vào ASEAN, EU còn vấp phải sự cạnh tranh với Nhật Bản, một đối thủ "nặng ký" đang tìm mọi cách chiếm lĩnh thị trường Đông Nam Á.

Đối với EU, họ cũng đang phải đương đầu với những vấn đề cần giải quyết. Thái độ và cách tiến hành chống khủng bố cũng đã gây không ít rạn nứt giữa các nước trong Khối. EU cũng đang đẩy nhanh tốc độ cải cách kinh tế và giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình mở rộng EU về phía Đông. Việc lựa chọn ưu tiên khu vực đầu tư ở châu Á trong chiến lược hướng về châu Á cũng đang làm cho các nhà lãnh đạo EU tính toán để tránh đầu tư dàn trải và thu được hiệu quả cao.

Bên cạnh những khó khăn, thách thức nói trên, với quyết tâm cao của các bên, trong khuôn khổ của một diễn đàn đối thoại mới ASEM, tiềm năng và triển vọng của quan hệ EU - ASEAN là rất to lớn:

1. Quan hệ giữa EU và ASEAN là nhu cầu nội tại của hai khối nước. Trong bối cảnh thế giới có nhiều thay đổi và diễn biến phức tạp như hiện nay, xu thế đối thoại và hợp tác là nhu cầu sống còn của sự phát triển.

Đối với EU, các nước Đông Nam Á là một khu vực phát triển năng động với hơn 500 triệu dân, có một nguồn nhân công lao động rẻ và dồi dào, đang rất cần đẩy mạnh quan hệ thương mại, đầu tư phát triển công nghệ - một thế mạnh mà EU đang có. ASEAN còn là một thị trường nguyên liệu phong phú như cao su tự nhiên, cà phê, sắt, thiếc, dầu cọ... sẽ bổ sung đặc lực cho thị trường EU vốn đã bão hoà.

Quan hệ hợp tác với EU, đối với các nước ASEAN không chỉ tận dụng những thế mạnh của EU để phục vụ cho sự phát triển của mình mà còn lấy đó làm đối trọng trong các mối quan hệ với Mỹ, Nhật Bản, và Trung Quốc. Quan hệ thương mại và đầu tư với các nước EU, các nước ASEAN sẽ rất thuận lợi khi tận dụng được một kênh quan hệ mới ASEM để đẩy mạnh hơn nữa mối quan hệ truyền thống đã có từ trước đó, để học hỏi nhiều kinh nghiệm về hội nhập kinh tế và kinh nghiệm trong quá trình “nhất thể hoá” châu Âu, phục vụ cho việc xây dựng và hoàn thiện cơ chế hợp tác trong nội bộ khối ASEAN của mình.

Quan hệ hợp tác với EU, ASEAN còn tranh thủ được nguồn vốn đầu tư lớn và công nghệ kỹ thuật cao. Thu hút được nguồn vốn và công nghệ này đầu tư vào ASEAN sẽ giúp làm cân bằng sự có mặt của các “đại gia” kinh tế lớn, hạn chế sự lấn lướt của Mỹ và Nhật ở khu vực, giúp hạn chế sức ép từ các phía đối với ASEAN.

Như vậy, quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư giữa EU và ASEAN xuất phát từ nhu cầu phát triển nội tại của mỗi nước, là mối quan hệ hai bên cùng có lợi. Điều này có tác dụng gắn kết mối quan hệ, tạo điều kiện cho mối quan hệ này luôn luôn phát triển.

2. Từ chiến lược mới trong quan hệ với châu Á (1994) đến việc coi châu Á là một đối tác chiến lược (2003) của EU là một cơ hội mới cho việc đẩy mạnh mối quan hệ EU - ASEAN.

Chính sách đối ngoại với châu Á của Liên minh Châu Âu là một quá trình hoàn chỉnh nhận thức về tầm quan trọng của khu vực châu Á nói chung và ASEAN nói riêng. Kể từ khi ký Hiệp định Hợp tác EU - ASEAN (tháng 3-1980), hai bên đã tăng cường hợp tác chặt chẽ thông qua các nhóm nghiên cứu hỗn hợp nhằm thúc đẩy quá trình hợp tác kinh tế. Sau khi chiến tranh lạnh kết thúc, xu thế của các nước trên thế giới đều phải điều chỉnh chính sách của mình, ưu tiên cho phát triển kinh tế trong

bối cảnh toàn cầu hoá và khu vực hoá đang diễn ra mạnh mẽ. EU đã “phát hiện” ra châu Á, một khu vực phát triển năng động, ngày càng có vai trò to lớn trên trường quốc tế, trong đó có ASEAN. Ngày 13/7/1994, Ủy ban Châu Âu đã trình lên Hội đồng Liên minh Châu Âu một chiến lược mới trong quan hệ với châu Á, xác định ưu tiên quan hệ với châu lục đang lên này. Đây là kết quả của một quá trình nhận thức, đánh giá về thực trạng, xu thế phát triển của các khu vực và tương quan lực lượng trên thế giới của EU.

Như một điểm nhấn của cao trào trong chiến lược hướng về châu Á, ngày 9/7/2003, Ủy ban Châu Âu đã ban hành “Đối tác chiến lược mới đối với các nước Đông Nam Á”. Như vậy từ văn kiện tháng 7/1994, chiến lược mới của EU chỉ xác định ưu tiên quan hệ với châu Á nói chung, thì đến văn kiện tháng 7/2003, sau 9 năm, EU đã không chỉ xác định “địa chỉ” cụ thể của ưu tiên hợp tác mà còn nâng mối quan hệ lên một tầng nấc mới - đối tác chiến lược. Điều này đã tạo ra vận hội mới để đẩy mạnh hợp tác kinh tế thương mại giữa hai khối, đưa mối quan hệ này phát triển cả bề rộng lẫn chiều sâu.

3. Với sự ra đời và ngày càng hoàn thiện cơ chế đối thoại, hợp tác, ASEM như chiếc cầu nối, “chất xúc tác” có hiệu quả

góp phần thúc đẩy sự phát triển quan hệ EU - ASEAN và các mối quan hệ song phương khác giữa hai khối.

Như để “chắc ăn” hơn trong chiến lược hướng về châu Á của mình, EU đã rất sốt sắng với đề nghị của Thủ tướng Singapore Goh Chok Tong về việc thành lập một Diễn đàn Hợp tác Á - Âu năm 1994. Chỉ hai năm sau lời đề nghị đó, ASEM ra đời. EU muốn sử dụng ASEM như là một kênh mới thúc đẩy quá trình hợp tác giao lưu với châu Á nhằm tăng cường vị thế của EU ở khu vực này. Thực tế hoạt động của ASEM từ Hội nghị Thượng đỉnh lần I cho đến lần thứ IV đã tháo gỡ nhiều vấn đề cho hợp tác liên khu vực, trong nội bộ khu vực và các mối quan hệ song phương.

Các thành viên của ASEM đồng thời cũng là thành viên của nhiều diễn đàn quốc tế và khu vực khác, trong ASEM có 7 nước là thành viên của ASEAN, 10 nước là thành viên của APEC. Trừ Việt Nam đang trong quá trình đàm phán để gia nhập WTO, còn hầu hết các nước thành viên của ASEM đều là các nước ở trong WTO. Như vậy ASEM với các tổ chức khu vực và thế giới khác có những mối quan hệ và tương quan đặc biệt do sự có mặt của các thành viên của ASEM trong các tổ chức đó. Điều này đã tạo thuận lợi cho việc tiến hành các hoạt động hợp tác, vừa cung cấp kinh nghiệm hoạt động,

vừa dễ đi đến đồng thuận trong quan hệ giữa EU và ASEAN cũng như các mối quan hệ song phương khác. Hơn nữa, không như các tổ chức khác chỉ tập trung hợp tác trên một số lĩnh vực riêng rẽ về kinh tế hoặc thương mại, ASEM là một diễn đàn hợp tác toàn diện từ chính trị, kinh tế đến văn hoá, xã hội. ASEM như là một bước đệm, một sân sau cho các cuộc đàm phán đa phương, cho các diễn đàn quốc tế và khu vực khác. Chính trên ý nghĩa này mà quan hệ EU - ASEAN sẽ có nhiều thuận lợi hơn để tiếp tục phát triển.

4. Tính từ tháng 3/1980 với sự ra đời của Hiệp định hợp tác EU- ASEAN cho đến nay, quan hệ EU- ASEAN đã có một bề dày thời gian là 25 năm. Mối quan hệ này diễn ra có lúc thăng lúc trầm, nhưng xu hướng chủ đạo là hợp tác ngày càng chặt chẽ hơn và ngày càng đạt hiệu quả cao hơn. Từ sự khác biệt văn hoá và chính trị, cách xa nhau về địa lý, thậm chí còn một số mối quan hệ song phương đã từng là kẻ thù của nhau, nhưng cũng với sự khác biệt đó mà các bên thấy cần thiết, nhất là thời kỳ sau chiến tranh lạnh, phải hợp tác, bổ sung cho nhau để cùng phát triển. Bề dày 25 năm của mối quan hệ này đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu, hiểu rõ nhau hơn để hướng tới một thời kỳ hợp tác mới với "chất xúc tác" ASEM.

Hội nghị thượng đỉnh Diễn đàn Hợp tác Á - Âu (ASEM V) sắp khai mạc tại Hà Nội. ASEM V sẽ thảo luận vấn đề kết nạp thêm các thành viên mới, đồng thời tiếp tục thảo luận những vấn đề khác nhằm thắt chặt hơn nữa quan hệ hợp tác Á - Âu. Hội nghị sẽ có ý nghĩa rất quan trọng không chỉ đẩy mạnh đối thoại, hợp tác Á - Âu, mà còn thúc đẩy, tăng cường hơn nữa quan hệ EU - ASEAN vì các thành viên được xem xét gia nhập lần này đều là các thành viên của EU hoặc ASEAN. Một lần nữa ASEM đã chứng tỏ vai trò to lớn của mình trong việc thúc đẩy quá trình hợp tác Á - Âu nói chung và thúc đẩy quá trình hợp tác ASEAN nói riêng. Chúng ta có cơ sở để tin tưởng vào sự thành công của ASEM V.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Đỗ Hiền. *Việt Nam trong ASEM: củng cố và phát huy tác dụng các quan hệ hợp tác với Liên minh Châu Âu*, Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, số 2 (56) - 2004.
2. Bùi Huy Khoát. *Chiến lược châu Á mới của EU và vai trò của ASEM*, Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, số 4 - 2003.
3. Vũ Chiến Thắng. *Đôi nét về hợp tác kinh tế trong khuôn khổ Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM)*, Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, số 2 (44) - 2002.
4. Nguyễn Quang Thuấn. *Hợp tác Á - Âu (ASEM) trong những năm đầu thế kỉ XXI*, Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, số 1 - 2004.